

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày: 21-01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Phi
2. Ông Bùi Huy Xuân.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2024, Thông báo hoãn phiên tòa số 17/2024/TB-TA ngày 16-12-2024, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 02-01-2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đối với bị cáo:

Trương Thị Xuân H, sinh năm 1995; nơi sinh: Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ, tôn giáo: Phật giáo, quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L, sinh năm 1974, nơi cư trú: Xã B, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và bà Hồ Thị Hồng Nh, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thị trấn B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chồng Cháu A Nh, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; bị cáo có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trương Thị Xuân H bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05-8-2024 cho đến ngày xét xử (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ A, thôn B, xã D, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ A, thôn B, xã D, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền để chi tiêu trong gia đình nên vào ngày 28-11-2023, Trương Thị Xuân H gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị L và đưa ra thông tin gian dối là mình có khoảng 10.000m² đất trồng cây mì cần bán, bà L tưởng thật nên đã đồng ý mua. Sau đó, Trương Thị Xuân H đã dẫn bà L và bà Lê Thị H đến xem rẫy mì tại tổ A, thôn B xã D, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thực tế thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L1). Do chưa đến thời điểm thu hoạch nên hai bên thỏa thuận khi nào thu hoạch sẽ báo giá và tính tiền dựa trên số lượng củ mì thực tế thu hoạch được. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, Trương Thị Xuân H đã nhiều lần ứng tiền của bà L và bà H với tổng số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

Đến ngày 11-01-2024, bà L gọi điện thoại thông báo cho Trương Thị Xuân H biết để bà L cho người đến thu hoạch củ mì tươi trồng trên diện tích đất khoảng 10.000m² tại tổ A, thôn B, xã D, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số lượng củ mì tươi thu hoạch được là 18.621 kg. Sau đó bà L và bà H đã chở đến bán cho vừa thu mua củ mì tươi tên “Vinh H” ở Ngã A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được số tiền 55.863.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn đồng). Khoảng 03 ngày sau, bà L và bà H đã thanh toán cho Trương Thị Xuân H thêm số tiền 21.500.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm ngàn đồng), cộng với số tiền 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng) mà Trương Thị Xuân H đã ứng trước đó nên tổng số tiền mua củ mì bà L và bà H đã trả cho Trương Thị Xuân H là 44.500.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Sau khi trừ chi phí vận chuyển và tiền công nhổ củ mì hết 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), bà L và bà H thu nhập được 3.363.000 đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn đồng), bà L và bà H đã chia đôi số tiền này.

Ngày 17-01-2024, khi đi thăm rẫy mì ở tổ 05, thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, bà Nguyễn Thị L1 mới biết toàn bộ rẫy mì của mình đã bị bà L và bà H đã thuê người đến thu hoạch nên làm đơn gửi Công an xã B, huyện C đề nghị giải quyết.

Tại Biên bản Kết luận định giá tài sản số 52/BB-HĐDGTS ngày 05-7-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Châu Đức kết luận trị giá của 18.621 kg củ mì tươi tại thời điểm ngày 11-01-2024 là 58.656.150 đồng (Năm mươi tám triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn một trăm năm mươi đồng).

Bản Cáo trạng số 119/CT-VKS-CD ngày 01-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố bị cáo Trương Thị Xuân H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức rút một phần quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị Xuân H từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 44.500.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo đã tiêu xài hết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà L và bà H đã trả lại cho bà L1 số tiền chênh lệch do thu được từ việc bán củ mì tươi là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và không có yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho bà L1 số tiền 46.600.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng) là thiệt hại do đã bán củ mì tươi là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà L1 cho người khác.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo H xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh kinh tế khó khăn của bị cáo, bị cáo có 06 người con còn nhỏ, đề giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử rút một phần quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức đối với bị cáo, truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Xét, việc rút một phần quyết định truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 266 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút truy tố này.

[2]. Bị hại (bà L và bà H) có đơn xin xét xử vắng mặt, Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng khác đề nghị xét xử vắng mặt bà L, bà H; xét việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có cơ sở để xác định:

Do không có tiền để chi tiêu trong cuộc sống gia đình nên ngày 28-11-2023, Trương Thị Xuân H đã đưa ra thông tin không đúng sự thật để bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị H tin tưởng Trương Thị Xuân H là chủ sở hữu của rẫy mì có diện tích khoảng 10.000m² tọa lạc tại tổ A, thôn B, xã D, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trên thực tế thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị L1) và đồng ý mua toàn bộ số lượng củ mì tươi thu hoạch được có trên rẫy mì này. Tổng số tiền mà bà Nguyễn Thị L bà Lê Thị H đã trả cho H từ việc mua củ mì tươi là 44.500.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo khi dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng rồi chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền 44.500.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) đã đủ dấu hiệu cấu thành tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4]. Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Bị cáo là một công dân đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi nên đã lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho

xã hội, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H đang mang thai nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội là phụ nữ có thai theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 46.600.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.330.000 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 292, 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Xuân H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Trương Thị Xuân H 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 ((Được sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị L1 với số tiền 46.600.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi cho bên được thi hành án khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.330.000 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bà Nguyễn Thị L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-01-2025). Đối với bà Nguyễn Thị L, bà Lê Thị H vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PC10, PV06 (CA tỉnh BR-VT);
- Công an H.Châu Đức;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Người TGTT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga